

PHỤ LỤC II

(kèm theo Quyết định số 69/2003/QĐ-BCN ngày 25 tháng 4 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp).

I. Tiêu chuẩn Việt Nam quy định về chất lượng than thương phẩm

1. Than Hòn Gai - Cẩm Phả - Yêu cầu kỹ thuật : TCVN 1790: 1999
2. Than Mạo Khê - Yêu cầu kỹ thuật: TCVN 2273: 1999
3. Than Vàng Danh - Nam Mẫu - Yêu cầu kỹ thuật: TCVN 2279: 1999
4. Than Na Dương - Yêu cầu kỹ thuật: TCVN 4684: 1999
5. Than Núi Hồng - Yêu cầu kỹ thuật: TCVN 5333: 1999
6. Than Khánh Hòa - Yêu cầu kỹ thuật: TCVN 6559: 1999.

II. Tiêu chuẩn Việt Nam quy định về phương pháp xác định chỉ tiêu kỹ thuật chất lượng than

1. Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu theo TCVN 1693: 1995 (ISO 1988: 1975)
2. Phân tích cỡ hạt theo TCVN 251: 1997 (ISO 1953: 1972)
3. Xác định độ tro theo TCVN 173: 1995 (ISO 1171: 1981)
4. Xác định độ ẩm theo TCVN 172: 1997 (ISO 589: 1981)
5. Xác định tỷ lệ dưới cỡ theo TCVN 4307 - 86
6. Xác định chất bốc theo TCVN 174: 1995 (ISO 652: 1975)

7. Xác định hàm lượng lưu huỳnh theo TCVN 175: 1995 (ISO 334: 1992)

8. Xác định trị số tỏa nhiệt toàn phần theo TCVN 200: 1995 (ISO 1928: 1976).

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số **57/2003/QĐ-BTC** ngày **16/4/2003** quy định về thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảnh và kiểm soát, giám sát hải quan tại các cảng biển và cảng chuyên dùng.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 được Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:**A. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN
TẠI CÁC CẢNG BIỂN**

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng và kiểm soát, giám sát hải quan tại các cảng biển và cảng chuyên dùng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Quyết định số 1548/2001/QĐ-TCHQ ngày 26/12/2001, Điều 5 Quyết định số 19/2002/QĐ-TCHQ ngày 10/01/2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan và các văn bản hướng dẫn khác trái với quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRƯỞNG CHÍ TRUNG

**QUY ĐỊNH về thủ tục hải quan đối
với tàu biển xuất cảnh, nhập
cảnh, quá cảnh, chuyển cảng và
kiểm soát, giám sát hải quan tại
các cảng biển và cảng chuyên
dùng**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 57/2003/
QĐ-BTC ngày 16/4/2003 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính).*

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Chậm nhất 01 (một) giờ kể từ khi đến vị trí neo đậu để xếp, dỡ hàng hóa theo chỉ định của cảng vụ, Thuyền trưởng hoặc người đại diện hợp pháp (dưới đây gọi chung là Thuyền trưởng) phải làm thủ tục hải quan cho tàu biển nhập cảnh.

- Thời điểm xác định tàu, hàng hóa đến cảng là thời điểm hải quan cảng tiếp nhận, đóng dấu lên hồ sơ hải quan do Thuyền trưởng nộp.

- Chậm nhất 01 (một) giờ trước khi tàu rời cảng biển, Thuyền trưởng phải làm thủ tục hải quan cho tàu biển xuất cảnh. Riêng tàu khách và tàu định tuyến, thời gian chậm nhất là ngay trước thời điểm tàu chuẩn bị rời cảng.

- Trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn trên có thể ngắn hơn, nhưng Thuyền trưởng phải thông báo cho Chi cục Hải quan cửa khẩu biết trước.

2. Nơi nộp hồ sơ: Thuyền trưởng phải nộp hồ sơ hải quan tại trụ sở cơ quan Cảng vụ hoặc trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng.

3. Thủ tục hải quan cho tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng:

3.1. Trách nhiệm của Thuyền trưởng:

a) Khai, nộp và xuất trình hồ sơ hải quan theo quy định tại Quyết định này.

b) Cung cấp các thông tin liên quan đến hàng hóa, vật dụng trên tàu.

c) Thực hiện các quyết định và yêu cầu của cơ quan hải quan, công chức hải quan trong việc làm thủ tục hải quan đối với tàu, hàng hóa.

d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

a) Tiếp nhận, kiểm tra và đóng dấu lên hồ sơ hải quan. Việc đóng dấu lên bản lược khai hàng hóa thực hiện như sau:

- Đối với bộ lược khai hàng hóa nộp cho cơ quan Hải quan thì hải quan ghi tổng số trang, đóng dấu lên trang đầu và trang cuối của bộ lược khai, các trang khác đóng dấu giáp lai.

- Đối với bộ lược khai hàng hóa của đại lý hoặc hãng tàu lưu thì chỉ đóng dấu lên trang đầu và trang cuối của bộ lược khai.

b) Khi có căn cứ để nhận định trên tàu có cất giấu hàng hóa trái phép, có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu quyết định khám xét tàu theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật Hải quan.

4. Trường hợp có hàng hóa chuyển tải, sang mạn thì hãng tàu phải thông báo bằng văn bản với Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu.

5. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng:

5.1. Quản lý, bảo đảm nguyên trạng hàng hóa xuất nhập khẩu lưu giữ tại kho, bãi cảng.

5.2. Chỉ được cho hàng hóa xuất nhập khẩu qua các cổng cảng có giám sát hải quan.

5.3. Phải thông báo bằng văn bản với Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu các số liệu, tình hình:

a) Hàng hóa nhập khẩu dỡ xuống kho, bãi cảng.

b) Hàng hóa xuất khẩu xếp lên tàu.

c) Hàng đổ vỡ (kèm biên bản).

d) Hàng hóa nhập khẩu quá thời hạn quy định chưa làm thủ tục hải quan.

đ) Hàng hóa không có người nhận đang lưu giữ tại cảng.

6. Cảng vụ sau khi nhận được xác báo của chủ tàu, phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Chi cục Hải quan cửa khẩu biết về thời gian đến và rời cảng, địa điểm neo đậu, thời gian xếp dỡ hàng hóa lên hoặc xuống tàu biển.

7. Nơi có điều kiện thì cảng vụ, doanh nghiệp cảng và đại lý hãng tàu nối mạng máy vi tính với Chi cục Hải quan cửa khẩu để thông báo trước tình hình, số liệu, gửi văn bản sau.

8. Khai hành lý, hàng hóa của thuyền viên được thực hiện như sau:

- Đối với hành lý: Được dùng chung một tờ khai (theo Phụ lục kèm Quyết định này) để khai cho hành lý của cả đoàn (hành lý của mỗi người khai vào một cột trong tờ khai);

- Đối với hàng hóa: Phải khai riêng hàng hóa của từng người vào tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phi mậu dịch (Mẫu tờ khai theo quy định hiện hành).

II. THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI TÀU BIỂN XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH, CHUYỂN CẢNG

1. Tàu nhập cảnh:

1.1. Trách nhiệm của Thuyền trưởng:

a) Khi làm thủ tục nhập cảnh, Thuyền trưởng phải nộp cho cơ quan hải quan các chứng từ sau:

- Lược khai hàng hóa chuyên chở trên tàu: 02 bản chính.

- Tờ khai tàu đến/rời cảng: 01 bản chính.

- Tờ khai hàng hóa, hành lý thuyền viên: 01 bản chính.

- Tờ khai dự trữ của tàu: 01 bản chính. Tờ khai này được phép khai tài sản tàu gồm: nguyên nhiên liệu vật liệu, lương thực, thực phẩm, rượu, thuốc lá dự trữ.

- Danh sách thuyền viên: 01 bản chính.

- Danh sách hành khách (nếu có hành khách): 01 bản chính.

Việc khai báo chất nổ, chất cháy, thuốc độc, thuốc mê, vũ khí trang bị trên tàu như sau:

+ Nếu là tài sản của tàu thì khai vào tờ khai dự trữ của tàu.

+ Nếu là hàng hóa xuất nhập khẩu, quá cảnh thì đã có trong lược khai hàng hóa.

b) Trong trường hợp hải quan yêu cầu, Thuyền trưởng phải xuất trình cho cơ quan hải quan các chứng từ sau:

- Nhật ký hành trình tàu.

- Sơ đồ hàng xếp trên tàu.

c) Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại điểm 3.1 Phần I trên đây.

1.2. Nhiệm vụ của cơ quan hải quan:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm 3.2 Phần I trên đây.

b) Niêm phong kho rượu, thuốc lá, thuốc độc, thuốc mê của tàu.

c) Nhập các dữ liệu vào máy vi tính hoặc vào sổ.

2. Tàu xuất cảnh:

2.1. Trách nhiệm của Thuyền trưởng:

a) Khi làm thủ tục xuất cảnh, Thuyền trưởng phải nộp cho cơ quan hải quan:

- Tờ khai tàu đến/rời cảng: 01 bản chính.

- Lược khai hàng hóa chuyên chở trên tàu: 01 bản chính.

- Tờ khai dự trữ của tàu: 01 bản chính.

- Tờ khai hàng hóa, hành lý thuyền viên: 01 bản chính.

b) Trong trường hợp hải quan yêu cầu, Thuyền trưởng phải xuất trình cho cơ quan hải quan các chứng từ sau:

- Tờ khai hải quan đối với hàng hóa cung ứng cho tàu biển.

- Hóa đơn mua hàng hóa miễn thuế theo đơn đặt hàng (nếu có mua hàng tại cửa hàng miễn thuế cảng).

c) Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại điểm 3.1 Phần I trên đây.

2.2. Nhiệm vụ của cơ quan hải quan:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm 3.2 Phần I trên đây.

b) Nhập các dữ liệu vào máy vi tính hoặc vào sổ.

3. Tàu quá cảnh:

- Tàu quá cảnh là tàu chỉ đi qua cảng và lãnh thổ Việt Nam để tới nước khác, không dỡ hàng hóa nhập khẩu và không xếp hàng hóa xuất khẩu.

- Tàu quá cảnh làm thủ tục nhập cảnh tại cửa khẩu nhập đầu tiên và làm thủ tục xuất cảnh tại cửa khẩu xuất cuối cùng.

3.1. Thủ tục tại cửa khẩu nhập cảnh:

a) Trách nhiệm của Thuyền trưởng:

Khi làm thủ tục cho tàu nhập cảnh Thuyền trưởng phải:

- Nộp cho cơ quan hải quan 02 bản lược khai hàng hóa quá cảnh.

- Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại điểm 3.1 Phần I trên đây.

b) Nhiệm vụ của cơ quan hải quan:

- Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm 3.2 Phần I trên đây.

- Niêm phong, giao cho Thuyền trưởng bộ hồ

sơ gồm 01 bản lược khai hàng hóa và 01 bản phiếu chuyển hồ sơ để chuyển cho hải quan cửa khẩu xuất, lưu 01 bản lược khai.

- Niêm phong kho rượu, thuốc lá, thuốc độc, thuốc mê và kho hàng (nếu có điều kiện và khi cần thiết).

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát quy định tại Phần III dưới đây.

3.2. Thủ tục hải quan tại cửa khẩu xuất cảnh:

a) Trách nhiệm của Thuyền trưởng:

Khi làm thủ tục xuất cảnh Thuyền trưởng phải nộp cho hải quan cửa khẩu xuất cảnh hồ sơ do hải quan cửa khẩu nhập cảnh chuyển đến.

b) Nhiệm vụ của hải quan cửa khẩu xuất cảnh:

- Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm 3.2 Phần I trên đây.

- Đối chiếu hồ sơ với tình trạng bên ngoài hàng hóa.

- Thông báo tình hình cho hải quan cảng nhập đầu tiên trong trường hợp tàu có vi phạm pháp luật hải quan.

3.3. Trên đường quá cảnh, Thuyền trưởng phải chịu trách nhiệm giữ nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan đối với hàng hóa và hồ sơ hải quan từ cửa khẩu nhập cảnh đến cửa khẩu xuất cảnh.

4. Tàu chuyển cảng:

4.1. Trách nhiệm của Thuyền trưởng:

a) Thông báo với Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu về mục đích, thời gian chuyển cảng. Nếu có hàng hóa xuất khẩu đã làm thủ tục hải quan sẽ được dỡ xuống cảng đến thì phải ghi rõ vào văn bản thông báo các nội dung sau: Tên và địa chỉ doanh nghiệp xuất khẩu, tên hàng, số lượng cont/kiện, lượng hàng, số ngày tờ khai xuất khẩu, số niêm phong hăng tàu, niêm phong hải quan, tên cảng dỡ hàng.

b) Phải nộp cho hải quan lược khai hàng hóa nhập khẩu chuyển cảng, lược khai hàng hóa xuất khẩu đã được xếp lên tàu, lược khai hàng hóa quá cảnh (nếu có): Mỗi loại 01 bản.

c) Bảo đảm nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan trên đường chuyển cảng.

d) Chuyển hồ sơ đã niêm phong hải quan cho hải quan cửa khẩu cảng đến.

đ) Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại điểm 3.1 Phần I trên đây.

4.2. Trách nhiệm của cơ quan hải quan cửa khẩu cảng đi:

a) Làm thủ tục cho tàu chuyển cảng.

b) Lập phiếu chuyển hồ sơ và niêm phong hồ sơ giao Thuyền trưởng chuyển cho hải quan cửa khẩu cảng đến.

c) Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại điểm 3.2 Phần I trên đây.

d) Trường hợp tàu chuyển cảng có chở hàng xuất khẩu đã làm thủ tục hải quan sẽ dỡ hàng xuống cảng đến, sau đó xếp lên tàu khác để xuất khẩu thì lập Biên bản bàn giao (sử dụng mẫu Biên bản bàn giao hàng chuyển cửa khẩu) gửi cho hải quan cửa khẩu cảng đến giám sát.

4.3. Trách nhiệm của cơ quan hải quan cửa khẩu cảng đến:

a) Thực hiện các nhiệm vụ như quy định tại điểm 3.2 Phần I trên đây.

b) Thông báo tình hình cho hải quan cảng nhập đầu tiên trong trường hợp tàu có vi phạm hoặc có hiện tượng không bình thường.

c) Tiếp nhận Biên bản bàn giao giám sát và thông báo ngay cho hải quan cửa khẩu cảng đi biết đã tiếp nhận việc giám sát tàu đối với trường hợp quy định tại điểm 4.2.d trên đây.

III. KIỂM SOÁT, GIÁM SÁT HẢI QUAN TẠI CẢNG BIỂN

1. Đối tượng kiểm soát, giám sát hải quan, gồm:

- a) Tàu xuất nhập cảnh.
- b) Hàng hóa xếp lên, dỡ xuống tàu.
- c) Hàng hóa xuất nhập khẩu lưu giữ tại kho, bãi cảng.
- d) Hàng hóa chuyển tải, sang mạn, quá cảnh.
- đ) Hàng hóa xuất nhập khẩu ra, vào cảng.
- e) Hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế.
- g) Hàng hóa cung ứng cho tàu.
- h) Hàng hóa, hành lý của thuyền viên.

2. Biện pháp giám sát của hải quan:

- a) Tuần tra, kiểm soát cơ động và áp dụng các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật để phát hiện các hành vi buôn lậu, vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới.
- b) Giám sát bằng niêm phong hải quan.
- c) Giám sát trực tiếp.
- d) Giám sát bằng phương tiện kỹ thuật.

Trong điều kiện bình thường thì Hải quan thực hiện giám sát bằng các biện pháp a, b, d. Trong trường hợp xét thấy cần thiết thì Chi cục trưởng Hải quan cửa khẩu quyết định giám sát bằng biện pháp c. Riêng giám sát cổng cảng phải thực hiện bằng biện pháp c.

3. Nhiệm vụ của hải quan trong công tác kiểm soát, giám sát kho, bãi, tàu:

- a) Làm thủ tục cho tàu xuất cảnh, nhập cảnh, chuyển cảng, quá cảnh.
- b) Làm thủ tục hàng hóa nhập khẩu chuyển cửa khẩu.

c) Niêm phong hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu xếp chung vào công-ten-nơ tại cảng.

d) Giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu xếp dỡ và lưu giữ tại kho, bãi cảng.

đ) Thực hiện quản lý hải quan đối với cửa hàng miễn thuế, hàng cung ứng cho tàu và hành lý, hàng hóa của thuyền viên.

e) Tuần tra, kiểm soát cơ động trong khu vực cảng.

g) Tiếp nhận, xử lý các báo cáo của doanh nghiệp cảng về tình hình, số liệu hàng hóa xuất nhập khẩu quy định tại điểm 5.3 Phần I trên đây.

h) Ngoài các công việc được quy định trên, đối với lô hàng xuất khẩu chuyển cửa khẩu, thực hiện thêm các công việc sau:

- Ký, đóng dấu xác nhận thực xuất vào ô 27 tờ khai hải quan (đối với trường hợp lô hàng chưa được Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu xác nhận thực xuất) và trả ngay cho chủ hàng;

- Tiếp nhận Biên bản bàn giao do Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu hoặc hải quan cảng khác chuyển đến, xác nhận Biên bản bàn giao và chuyển trả lại cho các đơn vị đó.

4. Nhiệm vụ của hải quan trong công tác giám sát cổng cảng:

4.1. Đối với hàng hóa đưa vào cảng để xuất khẩu:

4.1.1. Trường hợp hàng hóa đã được làm xong thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu:

a) Chủ hàng hoặc người đại diện phải xuất trình:

- Tờ khai hải quan (đã làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu): Bản chủ hàng lưu.

- Biên bản bàn giao của Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu.

b) Nhiệm vụ của công chức hải quan:

- Tiếp nhận tờ khai hải quan, biên bản bàn giao.

- Kiểm tra số, ký hiệu công-ten-nơ/kiện, tình trạng bên ngoài, niêm phong hải quan.

- Nhập máy vi tính hoặc vào sổ theo dõi.

4.1.2. Trường hợp hàng hóa được Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu quyết định kiểm tra thực tế nhưng hàng hóa chưa được kiểm tra:

a) Chủ hàng phải xuất trình:

- Tờ khai hải quan đã đăng ký.

- Biên bản bàn giao.

b) Trách nhiệm của hải quan giám sát cổng cảng:

Kiểm tra các chứng từ trên và giám sát đưa hàng vào cảng hoặc kiểm hóa viên kiểm tra và niêm phong hàng (đối với trường hợp hàng hóa phải kiểm tra).

4.2. Đối với hàng hóa nhập khẩu ra khỏi cảng:

a) Chủ hàng hoặc người đại diện phải xuất trình:

- Biên bản bàn giao (đối với hàng hóa chuyển cửa khẩu, hàng hóa kiểm tra ngoài cửa khẩu).

- Tờ khai hải quan đã đóng dấu "Đã làm thủ tục hải quan" tại tờ khai nhập khẩu (đối với hàng hóa đã làm thủ tục hải quan).

b) Nhiệm vụ của cơ quan hải quan:

- Kiểm tra Tờ khai hải quan, biên bản bàn giao.

- Kiểm tra số, ký hiệu công-ten-nơ/kiện, tình trạng bên ngoài, niêm phong hải quan.

B. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN TẠI CẢNG CHUYÊN DỪNG

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Cảng chuyên dùng (do Cục Hàng hải hoặc Bộ Giao thông vận tải có Quyết định công bố) là

cảng riêng của doanh nghiệp để chuyên xuất khẩu, nhập khẩu 01 loại mặt hàng nhất định của chính doanh nghiệp đó. Về mặt thủ tục hải quan, cảng chuyên dùng (dưới đây gọi là cảng) được coi là địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất nhập cảnh ở sông, vịnh hoặc ở ngoài khơi (đối với cầu cảng, phân cảng không bến thuộc các mỏ khai thác dầu khí trên biển).

2. Hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất nhập cảnh qua cảng phải chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của Luật Hải quan, Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Địa điểm làm thủ tục hải quan cho phương tiện xuất nhập cảnh là tại cảng.

4. Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố giao nhiệm vụ cho Chi cục Hải quan nơi gần cảng nhất (dưới đây gọi tắt là Chi cục Hải quan) thực hiện việc làm thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất nhập cảnh qua cảng và kiểm soát, giám sát khu vực cảng trong thời gian tàu neo đậu để xếp, dỡ hàng hóa tại cảng.

5. Công chức hải quan chỉ tiến hành các hoạt động nghiệp vụ trên tại cảng từ khi có tàu vào cảng để xếp, dỡ hàng hóa cho đến khi tàu rời khỏi cảng.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CHI CỤC HẢI QUAN

1. Làm thủ tục hải quan cho phương tiện xuất nhập cảnh tại cảng theo đúng quy định về thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất nhập cảnh.

2. Làm thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất

khẩu, nhập khẩu tại cảng theo đúng quy định về thủ tục hải quan đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Về công tác giám sát, kiểm soát tại cảng:

- Trong thời gian có hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh tại cảng, Chi cục Hải quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tuần tra khu vực cảng nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ phòng chống buôn lậu hoặc vận chuyển hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu trái phép.

- Khi không có hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh tại cảng thì hải quan không thực hiện các hoạt động nghiệp vụ tại cảng.

**III. TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP
CÓ CẢNG**

1. Thông báo bằng văn bản cho Chi cục Hải quan biết trước ít nhất 24 giờ về lịch trình cụ thể tàu ra, vào cảng; địa điểm neo đậu tàu; thời gian xếp dỡ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Doanh nghiệp cảng chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu

để xảy ra tình trạng chậm trễ trong việc làm thủ tục nhập cảnh cho tàu và tình trạng buôn lậu do không thông báo cho cơ quan hải quan đúng thời hạn quy định.

2. Tạo điều kiện thuận lợi để hải quan ra vào cảng, làm việc tại cảng và thực hiện các nhiệm vụ liên quan khác nhằm bảo đảm chức năng quản lý nhà nước về hải quan theo quy định của pháp luật.

3. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi buôn lậu hoặc vận chuyển hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu trái phép trong thời gian tàu neo đậu, làm hàng, di chuyển tại khu vực cảng./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thư trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

PHỤ LỤC

(ban hành kèm theo Quyết định số 57/2003/QĐ-BTC
ngày 16 tháng 4 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

TỜ KHAI HÀNH LÝ THUYỀN VIÊN
CREW'S EFFECTS DECLARATION

1. Tên tàu Name of ship		2. Cảng đến/đi Port of arrival/departure			Số trang Page No
3. Quốc tịch tàu Nationality of ship		4. Ngày đến/đi Date of arrival/departure			
5. STT No	7. Họ và tên Family name, given names	6. Chức danh Rank or rating	7. Hành lý thuyền viên Crew's effects declaration	8. Tiền tệ Currency	9. Ký tên Signature

....., ngày.....tháng.....năm.....

Chi cục Hải quan cửa khẩu

Date and signature by the border-gate Customs Sub-Department

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thuyền trưởng (đại lý hoặc sĩ quan)

Date and signature by Master (Authorized agent or officer)